

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TDC24B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02297**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Vật liệu điện**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060859	Nguyễn Thành	An	15/08/2009			4	8.5	7.0	7.0			6.5		6.6
2	2458102060860	Nguyễn Duy	Anh	26/08/2009			5	5	6.5	7.0			0.0	5.5	5.8
3	2458102060861	Lê Hoàng	Bảo	03/12/2009			4	7	7.0	5.0			7.0		6.5
4	2458102060862	Nguyễn Văn	Bền	19/09/2009			5.5	9.5	7.0	7.0			6.5		6.8
5	2458102060863	Nguyễn Khoa	Cương	18/11/2009			6	6	5.0	7.0			5.8		5.9
6	2458102060864	Huỳnh Bảo	Duy	09/10/2009			5.5	3	8.0	7.0			7.0		6.8
7	2458102060865	Nguyễn Khánh	Duy	17/02/2009			4.5	5	7.0	7.5			8.0		7.4
8	2458102060866	Diêu Tiến	Đạt	10/06/2009			9	9	7.5	6.5			6.5		7.0
9	2458102060867	Huỳnh Hải	Đăng	01/05/2009			4.5	4.5	5.0	5.5			6.0		5.6
10	2458102060868	Ngô Trung	Hiếu	16/08/2009			4.5	6.5	7.5	6.0			7.8		7.2
11	2458102060869	Phan Trung	Hiếu	01/09/2009			5.5	7.5	7.5	7.0			7.0		7.0
12	2458102060870	Nguyễn Hữu	Học	10/07/2009			4	5	7.0	7.0			0.0	0.0	2.5
13	2458102060871	Lê Long	Hồ	08/02/2009			4.5	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.3
14	2458102060872	Cao Văn	Huyền	01/09/2008			5.5	2.5	7.0	7.0			0.0	0.0	2.4
15	2458102060873	Lâm Quang	Khải	03/09/2008			5.5	6	5.0	6.0			0.0	0.0	2.2
16	2458102060874	Phan Hoàng	Khải	03/10/2009			4.5	5	6.0	6.0			7.0		6.4
17	2458102060875	Cù Duy	Khang	16/10/2009			7	5	6.5	6.5			7.0		6.7
18	2458102060876	Nguyễn Hoàng	Khang	18/07/2009			5	7	5.0	5.0			5.8		5.6
19	2458102060877	Nguyễn Duy	Khanh	02/11/2009			4	4	6.0	5.5			6.0		5.7
20	2458102060878	Lê Tuấn	Kiệt	28/08/2009			7.5	5	8.0	7.0			8.8		8.1
21	2458102060879	Nguyễn Thế	Năng	04/07/2009			7.5	4.5	5.0	6.0			6.0		5.9
22	2458102060880	Nguyễn Phú	Nguyên	18/12/2008			5	5	6.5	6.5			6.0		6.0
23	2458102060881	Phạm Minh	Phát	13/10/2009			6.5	9	7.5	6.0			7.0		7.0
24	2458102060882	Phan Bảo Tấn	Phát	11/05/2009			3.5	9	6.5	7.0			8.0		7.4
25	2458102060883	Nguyễn Bình	Phước	17/05/2009			9.5	9	8.5	5.0			8.5		8.1
26	2458102060884	Huỳnh Trương	Quốc	25/09/2009			5.5	7	5.5	0.0			0.0	0.0	1.6
27	2458102060885	Trần Quốc	Thái	10/06/2009			6.5	8.5	6.0	0.0			0.0	0.0	1.8
28	2458102060886	Nguyễn Chí	Thiện	24/10/2009			5.5	8	6.0	0.0			0.0	0.0	1.7
29	2458102060887	Võ Chí	Thiện	26/03/2009			6.5	8	7.5	7.0			9.5		8.6
30	2458102060888	Mã Quốc	Thịnh	06/11/2009			6	9	8.5	6.0			6.5		6.8
31	2458102060889	Nguyễn Việt	Thuận	04/08/2009			6	7.5	6.0	7.5			5.5		6.0
32	2458102060890	Trần Quốc	Thuận	30/04/2009			6.5	6.5	6.0	6.0			6.5		6.4
33	2458102060891	Trương Trung	Tính	03/04/2009			6	9.5	6.5	7.0			7.0		7.0
34	2458102060892	Nguyễn Phúc	Toàn	06/05/2008			5.5	3	7.0	6.0			6.5		6.2
35	2458102060893	Lư Đại	Vĩ	04/10/2009			6.5	5	7.5	6.5			6.0		6.2
36	2458102060894	Võ Thị Thúy	Vỹ	13/03/2007			5.5	9	9.0	8.0			7.5		7.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2458102060895	Đặng Gia Vỹ	05/11/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 19 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lê Minh Tiến